

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	9	2. Thị trường.....	62
CHƯƠNG I. TỔNG QUAN SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU		3. Top doanh nghiệp xuất khẩu cá tra.....	73
THỦY SẢN VIỆT NAM.....	10	CHƯƠNG IV. XUẤT KHẨU CÁ NGỪ.....	75
I. NHẬN ĐỊNH CHUNG.....	11	I. KHAI THÁC.....	76
II. SẢN XUẤT THỦY SẢN.....	12	II. XUẤT KHẨU CÁ NGỪ.....	76
III. XUẤT KHẨU THỦY SẢN.....	12	1. Sản phẩm cá ngừ xuất khẩu.....	76
1. Sản phẩm xuất khẩu.....	12	2. Thị trường xuất khẩu cá ngừ.....	77
2. Thị trường xuất khẩu.....	17	3. Doanh nghiệp xuất khẩu cá ngừ.....	89
3. Doanh nghiệp xuất khẩu.....	25	III. NHẬP KHẨU.....	89
4. Xuất khẩu theo địa phương.....	27	CHƯƠNG V. XUẤT KHẨU MỰC BẠCH TUỘC.....	90
IV. NHẬP KHẨU THỦY SẢN.....	28	I. MỰC – BẠCH TUỘC.....	91
1. Sản phẩm	28	1. Cơ cấu sản phẩm.....	91
2. Nguồn cung cấp.....	28	2. Thị trường.....	91
CHƯƠNG II: XUẤT KHẨU TÔM.....	30	3. Nhập khẩu mực, bạch tuộc.....	100
I. SẢN XUẤT	31	II. NHUYỄN HAI MẢNH VỎ.....	101
1. Sản lượng.....	31	1. Sản phẩm.....	101
2. Giá tôm nguyên liệu.....	32	2. Thị trường.....	101
II. XUẤT KHẨU	37	III. CUA GHE.....	104
1. Sản phẩm.....	37	1. Tình hình xuất khẩu.....	104
2. Thị trường.....	38	2. Thị trường.....	104
3. Doanh nghiệp xuất khẩu tôm.....	57	IV. CHẢ CÁ, SURIMI.....	106
III. NHẬP KHẨU.....	58	1. Tình hình xuất khẩu.....	106
CHƯƠNG III. SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU CÁ TRA...59		2. Thị trường.....	106
I. SẢN XUẤT	60	CHƯƠNG VI. CƠ HỘI – THÁCH THỨC- DỰ BÁO...108	
1. Sản lượng.....	60	I. CƠ HỘI – THÁCH THỨC.....	109
2. Giá cá tra nguyên liệu.....	61	II. DỰ BÁO.....	113
II. XUẤT KHẨU.....	62	1. Dự báo xu hướng thị trường thế giới.....	113
1. Sản phẩm.....	62	2. Xuất khẩu.....	113

DANH MỤC BẢNG

<i>Bảng 1. 1. Xuất khẩu thủy sản Việt Nam, 9 tháng đầu năm 2021 (triệu USD)</i>	11
<i>Bảng 1. 2. Một số chỉ tiêu sản xuất chủ yếu tháng 9/2021</i>	12
<i>Bảng 1. 3. Xuất khẩu thủy sản Việt Nam, QI – QIII/2021, theo sản phẩm chính (triệu USD)</i>	13
<i>Bảng 1. 4. Top 20 loài thủy sản XK, 9 tháng đầu năm 2021 (triệu USD)</i>	14
<i>Bảng 1. 5. Top 10 thị trường xuất khẩu tôm của Việt Nam, 9 tháng đầu năm 2021 (triệu USD)</i>	14
<i>Bảng 1. 6. Top 10 thị trường xuất khẩu cá tra của Việt Nam, 9 tháng đầu năm 2021 (triệu USD)</i>	15
<i>Bảng 1. 7. Top 10 thị trường xuất khẩu cá ngừ của Việt Nam, 9 tháng đầu năm 2021 (triệu USD)</i>	16
<i>Bảng 1. 8. Top 10 thị trường xuất khẩu mực, bạch tuộc của Việt Nam, 9 tháng đầu năm 2021 (triệu USD)</i>	16
<i>Bảng 1. 9. Top 10 thị trường xuất khẩu các loại cá khác (trừ cá ngừ, cá tra) của Việt Nam, 9 tháng đầu năm 2021 (triệu USD)</i>	17
<i>Bảng 1. 10. Xuất khẩu thủy sản Việt Nam, theo nhóm thị trường chính, QI – QIII/2021 (Triệu USD)</i>	18
<i>Bảng 1. 11. Top 20 thị trường đơn lẻ NK thủy sản Việt Nam, 9 tháng đầu năm 2021 (triệu USD)</i>	19
<i>Bảng 1. 12. Top 20 sản phẩm Thủy sản XK sang thị trường Mỹ, 9 tháng đầu năm 2021 (triệu USD)</i>	20
<i>Bảng 1. 13. Top 20 sản phẩm Thủy sản XK sang thị trường Nhật Bản, 9 tháng đầu năm 2021 (triệu USD)</i>	21
<i>Bảng 1. 14. Top 20 sản phẩm Thủy sản XK sang thị trường EU, 9 tháng đầu năm 2021 (triệu USD)</i>	22
<i>Bảng 1. 15. Top 20 sản phẩm thủy sản XK sang thị trường Trung Quốc, 9 tháng đầu năm 2021 (triệu USD)</i>	24
<i>Bảng 1. 16. Top 20 sản phẩm thủy sản XK sang thị trường Hàn Quốc, 9 tháng đầu năm 2021 (triệu USD)</i>	25
<i>Bảng 1. 17. Top 10 Doanh nghiệp Xuất khẩu Thủy sản, 9 tháng đầu năm 2020-2021 (Triệu USD)</i>	26
<i>Bảng 1. 18. Top 100 Doanh nghiệp xuất khẩu Thủy sản, 9 tháng đầu năm 2021 (Triệu USD)</i>	26
<i>Bảng 1. 19. Top 20 tỉnh, thành XK Thủy sản đứng đầu cả nước, 9 tháng đầu năm 2021 (triệu USD)</i>	27
<i>Bảng 1. 20. Nhập khẩu thủy sản theo loài, 9 tháng đầu năm 2021 (triệu USD)</i>	28
<i>Bảng 1. 21. NK thủy sản từ Ấn Độ, 9 tháng đầu năm 2021</i>	29
<i>Bảng 1. 22. NK thủy sản từ Na Uy, 9 tháng đầu năm 2021 (triệu USD)</i>	29
<i>Bảng 1. 23. Top 20 nguồn cung cấp Thủy sản cho Việt Nam, 9 tháng đầu năm 2021 (Triệu USD)</i>	29
<i>Bảng 2. 1. Sản phẩm tôm XK 9 tháng đầu năm 2021 (triệu USD)</i>	37
<i>Bảng 2. 2. Xuất khẩu tôm sang các thị trường, QIII/2021 (triệu USD)</i>	39
<i>Bảng 2. 3. Xuất khẩu tôm sang các thị trường, T1-T9/2021 (triệu USD)</i>	39
<i>Bảng 2. 4. 10 thị trường nhập khẩu tôm sú hàng đầu 9 tháng đầu năm 2021 (triệu USD)</i>	40
<i>Bảng 2. 5. 10 thị trường nhập khẩu tôm chân trắng hàng đầu 9 tháng đầu năm 2021 (triệu USD)</i>	40
<i>Bảng 2. 6. Sản phẩm tôm Việt Nam XK sang Mỹ, T1-T9/2021 (triệu USD)</i>	41
<i>Bảng 2. 7. Top 10 DN xuất khẩu tôm sang thị trường Mỹ, T1-T9/2021</i>	42
<i>Bảng 2. 8. Top 10 nguồn cung cấp tôm cho Mỹ (KL: tấn, GT: nghìn USD)</i>	45
<i>Bảng 2. 9. Sản phẩm tôm NK của Mỹ (KL: tấn, GT: nghìn USD)</i>	45
<i>Bảng 2. 10. Top 10 nguồn cung cấp tôm nước ấm đông lạnh HS 030617 cho thị trường Mỹ, T1-8/2021</i>	46
<i>Bảng 2. 11. Top 10 nguồn cung cấp tôm chế biến (HS 160521) cho thị trường Mỹ, T1-8/2021</i>	46
<i>Bảng 2. 12. Top 10 nguồn cung cấp tôm chế biến (HS 160529) cho thị trường Mỹ, T1-8/2021</i>	46
<i>Bảng 2. 13. Sản phẩm tôm Việt Nam XK sang EU, T1-T9/2021 (triệu USD)</i>	48
<i>Bảng 2. 14. Top 10 DN xuất khẩu tôm sang thị trường EU, T1-T9/2021</i>	48
<i>Bảng 2. 15. Top 10 nguồn cung cấp tôm cho Đức (GT: nghìn USD)</i>	49
<i>Bảng 2. 16. Sản phẩm tôm Việt Nam XK sang Nhật Bản, T1-T9/2021 (triệu USD)</i>	50
<i>Bảng 2. 17. Top 10 DN xuất khẩu tôm sang thị trường Nhật Bản, T1-T9/2021</i>	51
<i>Bảng 2. 18. Sản phẩm tôm nhập khẩu của Nhật Bản, T1-T7/2021 (triệu USD)</i>	51
<i>Bảng 2. 19. Top 10 nguồn cung cấp tôm cho thị trường Nhật Bản, T1-T7/2021 (triệu USD)</i>	51
<i>Bảng 2. 20. Top 5 nguồn cung cấp tôm cho Hàn Quốc, 7 tháng đầu năm (triệu USD)</i>	52

Bảng 2. 21. Sản phẩm tôm Việt Nam XK sang Hàn Quốc, T1-T9/2021 (triệu USD)	52
Bảng 2. 22. Top 10 DN xuất khẩu tôm sang thị trường Hàn Quốc, T1-T9/2021	53
Bảng 2. 23. Sản phẩm tôm nhập khẩu của Hàn Quốc, T1-T7/2021 (triệu USD)	53
Bảng 2. 24. Top 10 nguồn cung cấp tôm cho thị trường Hàn Quốc, T1-T7/2021 (triệu USD)	54
Bảng 2. 25. Sản phẩm tôm Việt Nam XK sang Trung Quốc & HK, T1-T9/2021 (triệu USD)	54
Bảng 2. 26. Top 10 DN xuất khẩu tôm sang thị trường Trung Quốc & HK, T1-T9/2021	55
Bảng 2. 27. Top 10 DN xuất khẩu tôm của Việt Nam, T1-T9/2021 (Triệu USD)	57
Bảng 2. 28. Top 20 doanh nghiệp XK tôm chân trắng, 9 tháng đầu năm 2021	57
Bảng 2. 29. Top 20 doanh nghiệp XK tôm sú, 9 tháng đầu năm 2021	58
Bảng 2. 30. Nhập khẩu tôm của Việt Nam, T1-T9/2021 (triệu USD)	58
Bảng 3. 1. Sản phẩm cá tra xuất khẩu 9 tháng đầu năm 2021 (triệu USD)	62
Bảng 3. 2. Xuất khẩu cá tra sang các thị trường, QIII/2021 (triệu USD)	63
Bảng 3. 3. Xuất khẩu cá tra sang các thị trường, QI - QIII/2021 (triệu USD)	63
Bảng 3. 4. Top 15 doanh nghiệp XK cá tra sang thị trường Trung Quốc, T1-9/2021	68
Bảng 3. 5. Top 10 doanh nghiệp XK cá tra sang thị trường Hồng Kông, T1-9/2021	68
Bảng 3. 6. Nhập khẩu cá da trơn của Mỹ, T1-8/2021	69
Bảng 3. 7. Nhập khẩu cá minh thái của Mỹ, 8 tháng đầu năm 2021	70
Bảng 3. 8. Nhập khẩu cá tuyết của Mỹ, 8 tháng đầu năm 2021	70
Bảng 3. 9. Nhập khẩu cá rô phi của Mỹ, 8 tháng đầu năm 2021	70
Bảng 3. 10. Top 10 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra lớn nhất sang Mỹ, T1-9/2021	70
Bảng 3. 11. Top 15 doanh nghiệp XK lớn nhất sang Mexico, T1-9/2021	71
Bảng 3. 12. Top 10 doanh nghiệp XK lớn nhất sang thị trường Brazil, T1-9/2021	73
Bảng 3. 13. 5 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra lớn nhất Việt Nam, QI-QIII/2021	74
Bảng 4. 1. Sản phẩm cá ngừ XK của Việt Nam, T1 – T9/2021 (Đơn vị: triệu USD)	77
Bảng 4. 2. XK cá ngừ Việt Nam sang các thị trường, QIII/2021 (Đơn vị: Triệu USD)	78
Bảng 4. 3. XK cá ngừ Việt Nam sang các thị trường, T1-9/2021 (Đơn vị: Triệu USD)	78
Bảng 4. 4. Top 10 thị trường NK cá ngừ tươi/đông lạnh (HS 03) của Việt Nam, T1-9/2021 (triệu USD)	79
Bảng 4. 5. Top 10 thị trường NK cá ngừ chế biến đóng hộp (HS 16) của Việt Nam, T1-9/2021 (triệu USD)	79
Bảng 4. 6. Sản phẩm cá ngừ XK của Việt Nam sang Mỹ, T1-9/2021 (Đơn vị: triệu USD)	80
Bảng 4. 7. Top 10 nguồn cung cá ngừ mã HS 030487 cho Mỹ, T1-7/2020 - 2021	81
Bảng 4. 8. 10 nguồn cung cá ngừ mã HS160414 lớn nhất cho Mỹ, T1-7/2020 - 2021	81
Bảng 4. 9. Top 10 doanh nghiệp Việt Nam XK cá ngừ sang Mỹ, T1-9/2021	82
Bảng 4. 10. Sản phẩm cá ngừ XK của Việt Nam sang EU, T1-9/2021 (Đơn vị: triệu USD)	84
Bảng 4. 11. Top 10 doanh nghiệp Việt Nam XK cá ngừ sang EU, T1-9/2021	84
Bảng 4. 12. Nhập khẩu cá ngừ đóng hộp của EU, T1-T6/2019 - 2021	85
Bảng 4. 13. Sản phẩm cá ngừ XK của Việt Nam sang Nhật Bản, T1-9/2021 (Đơn vị: triệu USD)	87
Bảng 4. 14. Top 10 doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu cá ngừ sang Nhật Bản, T1-9/2021	87
Bảng 4. 15. Top 5 nguồn cung cá ngừ mã HS160414 lớn nhất cho Nhật Bản, T1-7/2020 - 2021	88
Bảng 4. 16. Top 5 doanh nghiệp XK cá ngừ của Việt Nam, T1-9/2021	89
Bảng 4. 17. Nguồn cung cá ngừ cho Việt Nam, T1-9/2021	90
Bảng 5. 1. Sản phẩm mực, bạch tuộc Xuất khẩu 9 tháng đầu năm 2021 (triệu USD)	91
Bảng 5. 2. XK mực, bạch tuộc của Việt Nam sang các thị trường, QIII/2021 (Đơn vị: Triệu USD)	92

<i>Bảng 5. 3. XK mực, bạch tuộc của Việt Nam sang các thị trường, T1-T9/2021 (Đơn vị: Triệu USD)</i>	92
<i>Bảng 5. 4. 10 thị trường nhập khẩu mực hàng đầu 9 tháng đầu năm 2021</i>	93
<i>Bảng 5. 5. 10 thị trường nhập khẩu bạch tuộc hàng đầu 9 tháng đầu năm 2021</i>	93
<i>Bảng 5. 6. Top DN XK mực của Việt Nam, T1-T9/2021</i>	93
<i>Bảng 5. 7. Top DN XK bạch tuộc của Việt Nam, T1-T9/2021</i>	93
<i>Bảng 5. 8. Sản phẩm mực, bạch tuộc Việt Nam XK sang Hàn Quốc, T1-T9/2021 (triệu USD)</i>	94
<i>Bảng 5. 9. Top DN Việt Nam XK mực, bạch tuộc sang Hàn Quốc, T1-T9/2021</i>	94
<i>Bảng 5. 10. Nhập khẩu mực, bạch tuộc của Hàn Quốc (GT: nghìn USD)</i>	95
<i>Bảng 5. 11. Sản phẩm mực, bạch tuộc nhập khẩu của Hàn Quốc, T1-T8/2021 (nghìn USD)</i>	95
<i>Bảng 5. 12. Sản phẩm mực, bạch tuộc Việt Nam XK sang Nhật Bản, T1-T9/2021 (triệu USD)</i>	96
<i>Bảng 5. 13. Top DN Việt Nam XK mực, bạch tuộc sang Nhật Bản, T1-T9/2021</i>	96
<i>Bảng 5. 14. Nhập khẩu mực, bạch tuộc của Nhật Bản (GT: nghìn USD)</i>	97
<i>Bảng 5. 15. Sản phẩm mực, bạch tuộc nhập khẩu của Nhật Bản, T1-T8/2021 (nghìn USD)</i>	97
<i>Bảng 5. 16. Sản phẩm mực, bạch tuộc Việt Nam XK sang Trung Quốc & HK, T1-T9/2021 (triệu USD)</i>	98
<i>Bảng 5. 17. Top DN Việt Nam XK mực, bạch tuộc sang Trung Quốc & HK, T1-T9/2021</i>	98
<i>Bảng 5. 18. Sản phẩm mực, bạch tuộc Việt Nam XK sang EU, T1-T9/2021 (triệu USD)</i>	99
<i>Bảng 5. 19. Top DN Việt Nam XK mực, bạch tuộc sang Italy, T1-T9/2021</i>	99
<i>Bảng 5. 20. Nhập khẩu mực, bạch tuộc của Italy (GT: nghìn USD)</i>	100
<i>Bảng 5. 21. Nhập khẩu mực, bạch tuộc của Việt Nam, T1-T9/2021 (triệu USD)</i>	100
<i>Bảng 5. 22. Xuất khẩu nhuyễn thể hai mảnh vỏ sang các thị trường, QIII/2021 (Triệu USD)</i>	102
<i>Bảng 5. 23. Xuất khẩu nhuyễn thể hai mảnh vỏ sang các thị trường, QI - QIII/2021 (Triệu USD)</i>	103
<i>Bảng 5. 24. Top 10 thị trường nhập khẩu nhuyễn thể hai mảnh vỏ của Việt Nam, T1-T9/2021 (Triệu USD)</i>	103
<i>Bảng 5. 25. Top 10 thị trường nhập khẩu nghêu của Việt Nam, T1-T9/2021 (Triệu USD)</i>	103
<i>Bảng 5. 26. Top 10 doanh nghiệp XK nghêu 9 tháng đầu năm 2021 (triệu USD)</i>	103
<i>Bảng 5. 27. XK cua ghe của Việt Nam sang các thị trường, QIII/2021 (Đơn vị: Triệu USD)</i>	105
<i>Bảng 5. 28. XK cua ghe của Việt Nam sang các thị trường, T1-9/2021 (Đơn vị: Triệu USD)</i>	105
<i>Bảng 5. 29. XK chả cá, surimi của Việt Nam sang các thị trường, QIII/2021 (Đơn vị: Triệu USD)</i>	107
<i>Bảng 5. 30. XK chả cá, surimi của Việt Nam sang các thị trường, T1-9/2021 (Đơn vị: Triệu USD)</i>	107
<i>Bảng 6. 1. Giá bán buôn trung bình 10 loài Thủy sản phổ biến tại Mỹ (USD/kg)</i>	110
<i>Bảng 6. 2. Dự báo xuất khẩu thủy sản quý IV và cả năm 2021 (Triệu USD)</i>	114

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

BĐ 1. 1. Xuất khẩu thủy sản, 9 tháng đầu năm 2020/2021, theo tháng (triệu USD)	11
BĐ 1. 2. Cơ cấu sản phẩm/nhóm sản phẩm XK chính, T1-9/2021	12
BĐ 1. 3. Xuất khẩu các sản phẩm thủy sản chính theo tháng, T1-9/2021 (triệu USD)	13
BĐ 1. 4. Xuất khẩu thủy sản sang các thị trường/khối thị trường chính, T1-9/2021 (triệu USD)	18
BĐ 1. 5. XK sang các thị trường chính, T1-T9/2021 (triệu USD)	18
BĐ 1. 6. Sản phẩm thủy sản chính XK sang Mỹ, T1-9/2021 (triệu USD)	19
BĐ 1. 7. Sản phẩm thủy sản chính XK sang Nhật Bản, T1-9/2021 (Triệu USD)	21
BĐ 1. 8. Sản phẩm thủy sản chính XK sang thị trường EU, T1-9/2021 (triệu USD)	23
BĐ 1. 9. Sản phẩm thủy sản chính XK sang Trung Quốc, T1-T9/2021 (triệu USD)	23
BĐ 1. 10. Sản phẩm thủy sản chính XK sang Hàn Quốc, T1- 9/2021 (triệu USD)	25
BĐ 1. 11. Xuất khẩu thủy sản của 7 tỉnh/thành đứng đầu Việt Nam,	28
BĐ 2. 1. Xuất khẩu tôm Việt Nam, T1-T9/2021	31
BĐ 2. 2. Giá tôm chân trắng Việt Nam, tuần 41 - 42/2021	32
BĐ 2. 3. Giá tôm sú Việt Nam, tuần 41 - 42/2021	32
BĐ 2. 4. Giá tôm chân trắng Ecuador	33
BĐ 2. 5. Giá tôm chân trắng tại Andhra Pradesh, Ấn Độ, tuần 41/2021	34
BĐ 2. 6. Giá tôm chân trắng cỡ 30 tại Andhra Pradesh, Ấn Độ, 2017 - 2021	34
BĐ 2. 7. So sánh giá tôm chân trắng Ấn Độ và một số nước	35
BĐ 2. 8. Giá tôm chân trắng của Thái Lan, tuần 41/2021	36
BĐ 2. 9. Giá tôm chân trắng của Indonesia, tuần 41/2021	36
BĐ 2. 10. Giá tôm chân trắng tại Quảng Đông, Trung Quốc, tuần 41/2021	37
BĐ 2. 11. Tỷ trọng sản phẩm tôm XK của Việt Nam, T1-T9/2020 (GT)	38
BĐ 2. 12. Tỷ trọng sản phẩm tôm XK của Việt Nam, T1-T9/2021 (GT)	38
BĐ 2. 13. Sản phẩm tôm XK của Việt Nam, T1-T9/2019-2021	38
BĐ 2. 14. Top 5 thị trường NK tôm lớn nhất của Việt Nam, T1-9/2020-2021 (triệu USD)	40
BĐ 2. 15. Top 5 thị trường NK tôm lớn nhất của Việt Nam theo tháng, T1-9/2021	40
BĐ 2. 16. Cơ cấu thị trường NK tôm, T1-T9/2020 (GT)	40
BĐ 2. 17. Cơ cấu thị trường NK tôm, T1-T9/2021 (GT)	40
BĐ 2. 18. XK tôm Việt Nam sang Mỹ, T1-T9/2021	42
BĐ 2. 19. Giá trung bình tôm sú và tôm chân trắng XK sang Mỹ, T1-T9/2021 (USD/pao)	42
BĐ 2. 20. NK tôm của Mỹ, 2014 - 2021	43
BĐ 2. 21. NK tôm vào Mỹ từ các nguồn cung, 2014 - 2021	43
BĐ 2. 22. NK tôm vào Mỹ từ Ấn Độ, 2017 - 2021	44
BĐ 2. 23. NK tôm vào Mỹ từ Ecuador, 2017-2021	44
BĐ 2. 24. XK tôm Việt Nam sang EU, T1-T9/2021	48
BĐ 2. 25. Giá trung bình tôm sú và tôm chân trắng XK sang Đức, T1-T9/2021 (USD/kg)	49
BĐ 2. 26. XK tôm Việt Nam sang Nhật Bản, T1-T9/2021	50
BĐ 2. 27. Giá trung bình tôm sú và tôm chân trắng XK sang Nhật Bản, T1-T9/2021 (USD/kg)	50
BĐ 2. 28. XK tôm Việt Nam sang Hàn Quốc, T1-T9/2021	52
BĐ 2. 29. Giá trung bình tôm sú và tôm chân trắng XK sang Hàn Quốc, T1-T9/2021 (USD/kg)	53
BĐ 2. 30. XK tôm Việt Nam sang Trung Quốc và HK, T1-T9/2021	55
BĐ 2. 31. Giá trung bình tôm sú và tôm chân trắng XK sang Trung Quốc, T1-T9/2021 (USD/kg)	55
BĐ 2. 32. NK tôm nước ấm đông lạnh của Trung Quốc, 2014-2021	56
BĐ 2. 33. NK tôm nước ấm đông lạnh của Trung Quốc theo nguồn cung, 2014-2021	56
BĐ 3. 1. Diễn biến giá cá tra loại I tại Đồng Tháp	60
BĐ 3. 2. Giá FOB cá tra phile XK của Việt Nam	62

BĐ 3. 3. Giá cá tra phile đông lạnh XK từ Tp. HCM, FOB	64
BĐ 3. 4. Xuất khẩu cá tra Việt Nam sang các thị trường chính	64
BĐ 3. 5. Xuất khẩu cá tra sang Trung Quốc - Hồng Kông, T1-9/2021	66
BĐ 3. 6. Giá trung bình cá tra đông lạnh XK sang Trung Quốc, T1-9/2021	67
BĐ 3. 7. Giá cá tra phile đông lạnh XK trung bình, FOB từ Tp.HCM	67
BĐ 3. 8. Giá XK trung bình cá tra đông lạnh sang thị trường Mỹ, T1-9/2021	68
BĐ 3. 9. Xuất khẩu cá tra sang Mỹ, T1-9/2021	69
BĐ 3. 10. Xuất khẩu cá tra sang thị trường Mexico, T1-9/2021	71
BĐ 3. 11. Giá XK cá tra đông lạnh sang thị trường Mexico, T1-9/2021	72
BĐ 3. 12. Xuất khẩu cá tra sang thị trường Brazil, T1-9/2021	72
BĐ 3. 13. Giá XK trung bình cá tra đông lạnh sang Brazil, T1-9/2021	73
BĐ 4. 1. Xuất khẩu cá ngừ của Việt Nam, T1-9/20219 - 2021	76
BĐ 4. 2. Xuất khẩu cá ngừ của Việt Nam, 2019 - 2021	77
BĐ 4. 3. Cơ cấu thị trường NK cá ngừ, T1-9/2021 (GT)	79
BĐ 4. 4. Cơ cấu thị trường NK cá ngừ, T1-9/2020(GT)	79
BĐ 4. 5. Xuất khẩu cá ngừ của Việt Nam sang Mỹ, T1/2020 - T9/2021	80
BĐ 4. 6. Giá TB xuất khẩu cá ngừ mã HS03048700 của Việt Nam sang Mỹ, T1/2020 - T9/2021 (USD/kg)	80
BĐ 4. 7. Giá TB xuất khẩu cá ngừ mã HS16041490 của Việt Nam sang Mỹ, T1/2020 - T9/2021 (USD/kg)	80
BĐ 4. 8. Giá trung bình NK cá ngừ mã HS 160414 vào Mỹ, T1/2020 - T7/2021	82
BĐ 4. 9. Giá trung bình NK cá ngừ mã HS 030487 vào Mỹ, T1/2020 - T7/2021	82
BĐ 4. 10. Xuất khẩu cá ngừ của Việt Nam sang EU, T1/2020 - T9/2021	83
BĐ 4. 11. Giá TB XK thịt/phile cá ngừ mã HS 03048700 của Việt Nam sang Đức, T1/2020 - T9/2021 (USD/kg)	84
BĐ 4. 12. Giá TB XK thịt/phile cá ngừ mã HS 03048700 của Việt Nam sang Hà Lan, T1/2020 - T9/2021	84
BĐ 4. 13. Top 7 nguồn cung cá ngừ cho thị trường EU, T1-6/2020- 2021 (triệu USD)	86
BĐ 4. 14. Xuất khẩu cá ngừ của Việt Nam sang Nhật Bản, T1/2020 - T9/2021	87
BĐ 4. 15. Giá TB xuất khẩu cá ngừ mã HS16041490 của Việt Nam sang Nhật Bản, T1/2020 - T9/2021	88
BĐ 4. 16. Giá TB xuất khẩu cá ngừ mã HS 03048700 của Việt Nam sang Nhật Bản, T1/2020 - T9/2021	88
BĐ 5. 1. Cơ cấu thị trường NK Mực, Bạch tuộc	92
BĐ 5. 2. Cơ cấu thị trường NK Mực, Bạch tuộc 9 tháng đầu năm 2021 (GT)	92
BĐ 5. 3. Giá trung bình XK mực, bạch tuộc sang Hàn Quốc (USD/kg)	94
BĐ 5. 4. Xuất khẩu mực, bạch tuộc sang Hàn Quốc, T1-T9/2021	94
BĐ 5. 5. Giá trung bình XK mực, bạch tuộc sang Nhật Bản, T1-T9/2021 (USD/kg)	96
BĐ 5. 6. Xuất khẩu mực, bạch tuộc sang Nhật Bản, T1-T9/2021	96
BĐ 5. 7. Xuất khẩu mực, bạch tuộc sang Trung Quốc & HK, T1-T9/2021	98
BĐ 5. 8. Giá trung bình XK mực, bạch tuộc sang Italy, T1-T9/2021 (USD/kg)	99
BĐ 5. 9. Xuất khẩu mực, bạch tuộc sang EU, T1-T9/2021	100
BĐ 5. 10. Xuất khẩu nghêu và tổng nhuyễn thể hai mảnh vỏ, T1-9/2021	101
BĐ 5. 11. Giá trung bình XK nghêu sang Mỹ, T1-9/2021 (USD/pao)	102
BĐ 5. 12. Giá trung bình nghêu XK sang Italy, Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha, T1-T9/2021 (USD/kg)	102
BĐ 5. 13. Xuất khẩu cua ghe của Việt Nam, T1/2020 - T9/2021	104
BĐ 5. 14. Cơ cấu thị trường NK Cua ghe của Việt Nam, T1-9/2021 (GT)	105
BĐ 5. 15. Cơ cấu thị trường NK Cua ghe, T1-9/2020 (GT)	105
BĐ 5. 16. Xuất khẩu chả cá và surimi của Việt Nam, T1/2020 - T6/2021	106
BĐ 5. 17. Cơ cấu thị trường NK Chả cá, surimi, T1-9/2021 (GT)	107
BĐ 5. 18. Cơ cấu thị trường NK Chả cá, surimi, T1-9/2020 (GT)	107
BĐ 6. 1. Nhập khẩu thủy sản của Mỹ, T1/2020 - T8/2021 (tỷ USD)	109
BĐ 6. 2. Nhập khẩu thủy sản của một số nước EU, T1/2020-T8/2021	109